

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 246/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2025 về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu:*

- Ông **Đặng Văn Q**, sinh năm 1985; CCCD số: 048085001797, ngày cấp: 13/5/2025. Địa chỉ: Tổ A, phường A (phường A, quận S cũ), Tp Đà Nẵng.

- Bà **Đặng Thị Bích T**, sinh năm 1988; CCCD số: 048188005656, ngày cấp: 16/10/2022. Địa chỉ: Tổ F, phường C (phường H, quận C cũ), Tp Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành) ngày 22 tháng 10 năm 2025, người yêu cầu là ông Đặng Văn Q và bà Đặng Thị Bích T đã thỏa thuận được như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Văn Q và bà Đặng Thị Bích T tự nguyện kết hôn vào năm 2020 có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận S, TP Đà Nẵng (nay là phường A, TP. Đà Nẵng) (Giấy chứng nhận kết hôn số 72, do UBND phường A, quận S, TP Đà Nẵng cấp ngày 08/5/2020). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do 2 vợ chồng không hợp về tính tình, quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông bà đã thuận tình ly hôn. Vì vậy, ông bà yêu cầu tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của hai vợ chồng.

[2] Về con chung: Ông Đặng Văn Q và bà Đặng Thị Bích T đều xác định không có con chung.

[3] Về tài sản chung: Ông Đặng Văn Q và bà Đặng Thị Bích T đều xác định không có tài sản chung.

[4] Về tài nợ chung: Ông Đặng Văn Q và bà Đặng Thị Bích T đều xác định không có nợ chung.

[5] Lệ phí việc hôn nhân gia đình: 300.000 đồng ông Đặng Văn Q và bà Đặng Thị Bích T mỗi người phải chịu 150.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ ông bà đã nộp theo biên lai thu số 0003724 ngày 15/10/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Xét thấy, sự thỏa thuận trên của hai ông bà là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Văn Q và bà Đặng Thị Bích T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 72, do UBND phường A, quận S, (nay là phường A), TP Đà Nẵng cấp ngày 08/5/2020 không còn giá trị pháp lý).

- Về con chung: Ông Đặng Văn Q và bà Đặng Thị Bích T đều xác định không có con chung.

- Về tài sản chung: Ông Đặng Văn Q và bà Đặng Thị Bích T đều xác định không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Ông Đặng Văn Q và bà Đặng Thị Bích T đều xác định không có nợ chung.

2. Lệ phí việc hôn nhân gia đình: 300.000 đồng ông Đặng Văn Q và bà Đặng Thị Bích T mỗi người phải chịu 150.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ ông bà đã nộp theo biên lai thu số 0003724 ngày 15/10/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 2 – Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Phòng THADS khu vực 2 – Đà Nẵng;
- UBND phường A, TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Thế Tài

